TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1267/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017.
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 837/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết H** - sinh năm: 1979.

Thường trú: ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Nhà không số, Tổ 12, Ấp 1, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Mậu D** - sinh năm: 1976.

Thường trú: ấp M, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2017, bản tự khai ngày 28/7/2017, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11/8/2017 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Sau một thời gian quen biết, tìm hiểu, bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Mậu D đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/5/2007.

Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không chăm lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn cho ông D nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đó, vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Đời sống vợ chồng

giữa bà H và ông D đã chấm dứt từ năm 2013 và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D đã lạnh nhạt, không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Mậu D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà H và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Gia M, sinh ngày 08/10/2013. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H có mặt theo triệu tập của Tòa án, ông Nguyễn Mậu D được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do; tại phiên họp, bà Nguyễn Thị Tuyết H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H với ông Nguyễn Mậu D là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Mậu D vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Mậu D tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/5/2007, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Mậu D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013. Nguyên nhân là do ông D không chăm lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà H đã cố gắng nhẫn nhịn cho ông D nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đó, vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Bà H xác định đời sống vợ chồng giữa bà với ông D đã chấm dứt từ năm 2013 và ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình."

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông D đã chấm dứt từ năm 2013, ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, vẫn giữ quan điểm riêng của mình, không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm đến nhau, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà H có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Gia M, sinh ngày 08/10/2013. Trên thực tế, bà H là người hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ giao con chung tên Nguyễn Gia M, sinh ngày 08/10/2013 cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H đối với ông Nguyễn Mậu D.

Bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Mậu D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia M, sinh ngày 08/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Mậu D cho đến khi bà Nguyễn Thị Tuyết H có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Ngày 18/7/2017, bà Nguyễn Thị Tuyết H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/0032246 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Liên Quân